

Số: 74/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 03 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

**Thư ký phiên họp:** Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:** Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 130/2024/TLST-VLĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 61/2024/QĐST-LĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1994; thường trú: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Trần Thị T; Sinh năm 1998; thường trú: Thôn E, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Công ty TNHH L2; địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp:** Bà Trương Thị Thúy L1; địa chỉ: D H, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp:** Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20/5/2024.) Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## **NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

*- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2019, bà L có làm việc tại Chi nhánh Công ty TNHH E tại Nghệ An. Địa chỉ: K, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An và có đóng bảo hiểm xã hội số: 4216356613. Nay, bà L tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà L bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm: Chị họ của bà L – Trần Thị T (sử dụng thông tin của bà L – Nguyễn Thị L) giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH L2 khoản từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2016.

Cùng thời gian đó, bà L giao kết hợp đồng lao động với Chi nhánh Công ty TNHH E tại Nghệ An đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì bà L nghỉ việc. Do đó, bà L bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2016 tương đương với thời gian bà T mượn hồ sơ lao động của bà L. Vào thời điểm năm 2014, bà T chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Bà L và bà T là chị em họ với nhau nên mới hỗ trợ bà T mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì cả hai không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH L2 (thời gian làm việc từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2016) là vô hiệu. Ngoài ra, bà L không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu cũng như không có yêu cầu gì khác.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày:*

Bà T và bà Nguyễn Thị L là chị em họ. Khoảng năm 2014 bà T chưa làm chứng minh nhân dân và chưa đủ tuổi để đi xin việc, do hoàn cảnh nhà nghèo, buộc phải kiếm tiền phụ giúp gia đình nên bà T đã sử dụng thông tin của bà L để vào làm việc tại Công ty TNHH L2 và giao kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2016.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của bà L, bà T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tuyên bố Hợp đồng lao động (từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2016) giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH L2 vô hiệu. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

*- Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH L2 cho người lao động thì Công ty TNHH L2 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị L sinh năm 1994, số CMND 187337374, với mã số BHXH 7414116032 từ tháng 5/2014 đến tháng 3/2016 chưa nhận trợ cấp BHXH.

*- Ngoài ra Bà Nguyễn Thị L còn có số BHXH số:*

+ 4013009463 từ tháng 05/2013 đến tháng 01/2014 và từ tháng 11/2015 đến tháng 05/2019 có quá trình tham gia tại Chi nhánh Công ty TNHH E tại Nghệ An.

+ 4216356613 từ tháng 07/2019 đến tháng 04/2024 có quá trình tham gia tại Công Ty TNHH F (Việt Nam).

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị L, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị L, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH L2 trình bày:*

Việc bà T mượn hồ sơ của bà L để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L2 thì thời điểm tuyển dụng Công ty TNHH L2 không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Hồ sơ lao động của bà L hiện Công ty TNHH L2 không còn lưu giữ nên không thể cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và không biết bà L giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L2 từ thời gian nào và thời gian bao lâu. Lỗi dẫn đến việc Công ty TNHH L2 ký kết hợp đồng với bà L (nhưng bà T mới là người thực tế làm việc tại Công ty TNHH L2) là do bà T và bà L. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho người yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, Công ty TNHH L2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Người yêu cầu bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, Công ty TNHH L2, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2016, người lao động tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1994, chứng minh nhân dân số 187337374 được Công ty TNHH L2 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7414116032, dựa trên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH L2 và bà L trong thời gian từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2016, hai bên ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị T thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH L2 và thực tế làm việc tại Công ty TNHH L2 trong khoảng thời gian từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2016 theo hợp đồng lao động là bà Trần Thị T chứ không phải bà Nguyễn Thị Lý d bà T mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà L để đi làm việc. Đối với bà L trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Chi nhánh Công ty TNHH E tại Nghệ An. Do

bà T chưa đủ tuổi nên bà L đã cho bà T mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà L và bà T phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 05/2013 đến tháng 01/2014 và từ tháng 11/2015 đến tháng 05/2019 có quá trình tham gia tại Chi nhánh Công ty TNHH E1 tại Nghệ An. Xét, việc bà T lấy tên bà L để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị L bị trùng từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2016. Công ty TNHH L2 cũng thống nhất với yêu cầu của bà Nguyễn Thị L. Do đó, bà L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH L2 với bà Nguyễn Thị L từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2016 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị L.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty TNHH L2 thời gian làm việc từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2016 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai

thu số 0002947 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3/ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Mỹ Thanh**